

Bảng cheat SQL: Khái niệm cơ bản

Yêu cầu	Cú pháp	Sự miêu tả	Ví dụ
LỰA CHỌN	SELECT column1, column2, ... FROM table_name;	SELECTcâu lệnh được sử dụng để lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu.	SELECT city FROM placeofinterest;
Ở ĐÂU	SELECT column1, column2, ...FROM table_name WHERE condition;	WHEREmệnh đề được sử dụng để chỉ trích xuất những bản ghi đáp ứng một điều kiện đã chỉ định.	SELECT * FROM placeofinterest WHERE city == 'Rome' ;
ĐẾM	SELECT COUNT * FROM table_name ;	COUNTlà hàm lấy tên của một cột làm đối số và đếm số hàng khi cột không phải là NULL.	SELECT COUNT(country) FROM placeofinterest WHERE country='Canada';
RIÊNG BIỆT	SELECT DISTINCT columnname FROM table_name;	DISTINCTHàm được sử dụng để xác định rằng câu lệnh là một truy vấn trả về các giá trị duy nhất trong các cột được chỉ định.	SELECT DISTINCT country FROM placeofinterest WHERE type='historical';
GIỚI HẠN	SELECT * FROM table_name LIMIT number;	LIMITlà mệnh đề xác định số hàng tối đa mà tập kết quả phải có.	SELECT * FROM placeofinterest WHERE airport="pearson" LIMIT 5;
CHÈN	INSERT INTO table_name (column1,column2,column3...) VALUES(value1,value2,value3...);	INSERTđược sử dụng để chèn các hàng mới vào bảng.	INSERT INTO placeofinterest (name,type,city,country,airport) VALUES('Niagara Waterfalls','Nature','Toronto','Canada','Pearson');
CẬP NHẬT	UPDATE table_name SET [[column1]=[VALUES]] WHERE [condition];	UPDATEđược sử dụng để cập nhật các hàng trong bảng.	UPDATE placeofinterest SET name = 'Niagara Falls' WHERE name = "Niagara Waterfalls";
XÓA BỎ	DELETE FROM table_name WHERE [condition];	DELETECâu lệnh được sử dụng để xóa các hàng khỏi bảng được chỉ định trong điều kiện WHERE.	DELETE FROM placeofinterest WHERE city IN ('Rome','Vienna');

(Các) tác giả

[Malika Singla](#)



Skills Network

Nhật ký thay đổi

Ngày	Phiên bản	Thay đổi bởi	Thay đổi mô tả
2023-05-04	1.1	Benny	Thay đổi định dạng
27-07-2021	1.0	Malika	Phiên bản đầu tiên